TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày: 20/5/2019
V/v: "*Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ,TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: - Bà Phạm Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Ngô Thị Luân.

- Ông Nguyễn Xuân T.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà*** *tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 137/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Khắc S, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn H x, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Anh Đỗ Khắc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn H x, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Khắc N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn H x, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn H x, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

3.2 Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn H x, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3.3 Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn H x, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3.4 Chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3.5 Vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3.6 Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: Số xxx N, phường x, quận x, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thu H – Giám đốc chi nhánh Sacombank Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền số 4026/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trịnh Văn T - Chức vụ trưởng phòng kiểm soát rủi ro. Theo văn bản ủy quyền số 60/2019/QĐ-CNLĐ ngày 27/02/2019.

(Anh S, anh T, anh N, chị T, chị H, chị H1, chị H2, ông C, bà C1 có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong đơn khởi kiện và bản tự khai đồng nguyên đơn anh Đỗ Khắc S và anh Đỗ Khắc T trình bày:

Bố anh là ông Đỗ Khắc H, mẹ anh là bà Hoàng Thị P (cả hai đều đã chết), trong thời gian chung sống bố mẹ anh sinh được 06 người con là Đỗ Khắc N, Đỗ Khắc T, Đỗ Khắc S, Đỗ Thị H, Đỗ Thị H1, Đỗ Thị H2. Ngoài ra, bố mẹ anh không có con riêng, không nhận ai làm con nuôi hay cha, mẹ nuôi nào khác.

Khi bố mẹ anh chết không để lại di chúc, di sản thừa kế mà bố mẹ anh để lại là diện tích đất 24.763m^2, thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L, trong đó có 400m^2 đất thổ cư. Ngoài ra, không còn di sản nào khác.

Do bố mẹ các anh chết không để lại di chúc nên đến năm 2009 các anh em trong gia đình đã họp và thống nhất giao cho anh Đỗ Khắc N trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất trên, đồng thời thống nhất để anh N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên và có trách nhiệm lo cho các em là S và T cho đến khi các em lập gia đình.

Sau khi thỏa thuận, anh N tiếp tục quản lý sử dụng đất, đến khoảng giữa năm 2009 thì S đi học ở Thành phố Hồ Chí Minh, T ở với anh N nhưng anh em không bảo được nhau nên đã thống nhất chia đất, anh N yêu cầu chia luôn cả nợ của anh N cho S và T thì các anh cũng đồng ý. Sau khi nhận đất được chia, S giao phần đất của mình cho chị H canh tác và trả tiền khoán để S đi học. Đến cuối năm 2010 anh N đòi lại đất nên chị H đã trả lại đất cho anh N quản lý, còn T cũng không thể sống cùng anh N đã dọn đến ở nhờ nhà chị H. Đã nhiều lần các chị em trong nhà đề nghị anh N chia đất cho S và T để các bên ổn định cuộc sống nhưng anh N cứ hẹn lần hẹn nữa và còn có những lời nói thô tục khiến cho anh em mất đoàn kết. Vì vậy anh S và anh T khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung là diện tích đất bố mẹ các anh để lại

theo thỏa thuận trong gia đình là mỗi anh em trai được 1/3 diện tích đất.

2. Bị đơn anh Đỗ Khắc N trình bày: Bố anh là ông Đỗ Khắc H, mẹ anh là bà Hoàng Thị P (cả hai đều đã chết), trong thời gian chung sống bố mẹ anh sinh được 06 người con là Đỗ Khắc N, Đỗ Khắc T, Đỗ Khắc S, Đỗ Thị H, Đỗ Thị H1, Đỗ Thị H2. Ngoài ra, bố mẹ anh không có con riêng, không nhận ai làm con nuôi hay cha, mẹ nuôi nào khác.

Khi bố mẹ anh chết không để lại di chúc, di sản thừa kế mà bố mẹ anh để lại là diện tích đất 24.336m^2, thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L. Ngoài ra, không còn di sản nào khác.

Đến năm 2009 các anh em trong gia đình đã họp và thống nhất giao cho anh trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất trên, đồng thời thống nhất để anh đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên có trách nhiệm lo cho các em là S và T đến lúc lập gia đình. Ngày 06/8/2009 anh N được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N. Do số tiền lo cho các em nhiều nên ngày 21/01/2013 các thành viên trong gia đình đã thống nhất với nhau về việc bán bớt một phần diện tích đất để trả nợ. Theo đó, anh N là người viết giấy sang nhượng đất viết tay cho ông C, bà C1 diện tích đất 5060m^2 với giá 200.000.000đồng nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Khi chuyển nhượng phần diện tích đất trên thì đều được sự đồng ý của anh T và anh S nhưng chỉ có anh T ký tên trên giấy sang nhượng và anh N đã bàn giao đất cho ông C, bà C1 sử dụng.

Năm 2017 anh N có nhu cầu vay vốn ngân hàng để sản xuất nên đã thế chấp toàn bộ diện tích đất trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng để vay số tiền 500.000.000đồng. Nay hai em S và T khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bố mẹ thì anh N đồng ý. Tuy nhiên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S, anh T phải cùng anh N có trách nhiệm trả số nợ vay còn lại mà anh chưa trả được cho ngân hàng; đồng thời đề nghị tiếp tục duy trì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh N với vợ chồng ông C, bà C1.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị là vợ của anh Đỗ Khắc N, là con dâu của ông Đỗ Khắc H, bà Hoàng Thị P nên chị không có liên quan gì đến di sản thừa kế mà ông H, bà P để lại. Qua yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Khắc S và anh Đỗ Khắc T thì chị không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C, bà C1 trình bày: Ngày 21/01/2013, vợ chồng ông bà có mua của anh Đỗ Khắc N một mảnh đất có diện tích 5060m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L, nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Khi chuyển nhượng phần diện tích đất trên thì đều được sự đồng ý của anh T và anh S. Nay ông bà thống nhất với ý kiến trình bày của anh N, anh S và anh T về phần diện tích đất vợ chồng ông bà đã mua, ông bà đồng ý để hai bên tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, chị H1, chị H2 trình bày: Các chị đều là con gái của ông Đỗ Khắc H và bà Hoàng Thị P (cả hai đều đã chết), trong thời gian chung sống bố mẹ các chị sinh được 06 người con là Đỗ Khắc N,

Đỗ Khắc T, Đỗ Khắc S, Đỗ Thị H, Đỗ Thị H1, Đỗ Thị H2. Ngoài ra, bố mẹ các chị không có con riêng, không nhận ai làm con nuôi hay cha, mẹ nuôi nào khác.

Khi bố mẹ các chị chết không để lại di chúc, di sản thừa kế mà bố mẹ các chị để lại là diện tích đất 24.336m^2 (theo giấy chứng nhân quyền sử dụng đất), thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L. Ngoài ra, không còn di sản nào khác. Nay anh T và anh S yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế đối với tài sản mà bố mẹ các chị để lại thì các chị là phận con gái đã đi lấy chồng nên các chị không có yêu cầu gì đối với tài sản này mà các chị đề nghị chia đều cho các em là Đỗ Khắc S, Đỗ Khắc T và Đỗ Khắc N. Ngoài ra, các chị không trình bày và không có yêu cầu gì.

6. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Lâm Đồng ông Trịnh Văn T trình bày: Sacombank cấp tín dụng cho ông Đỗ Khắc N, bà Nguyễn Thị T theo hợp đồng tín dụng số LD 1703800292 ngày 09/02/2017 với số tiền vay là 500.000.000đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp, tài sản bảo đảm là đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Thôn H x, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP801875 do ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp ngày 06/8/2009. Trong quá trình vay vốn của Ngân hàng thì hộ anh N, chị T luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn vốn và lãi theo hợp đồng đã được ký kết. Vì vậy, Sacombank đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ông Đỗ Khắc N, bà Nguyễn Thị T tiếp tục thanh toán vốn và lãi vay theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết với Sacombank. Đồng thời, tài sản đang tranh chấp là tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông N, bà T tại Sacombank đã được thực hiện đầy đủ các thủ tục thế chấp, đăng ký đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do đó đề nghị ông N, bà T thực hiện tất toán hợp đồng vay vốn tại Sacombank khi thực hiện phân chia tài sản thừa kế (tài sản thế chấp tại Sacombank). Vì lý do công việc nên ông T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án vào ngày 23/4/2019 tuy nhiên đến ngày 26/4/2019, nguyên đơn có đơn xin thay đổi ý kiến nên Tòa án không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được. Tại phiên tòa, các đồng thừa kế đều thống nhất căn cứ theo kết quả đo vẽ hiện trạng thực tế diện tích đất thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L để phân chia. Đồng thời, các đương sự thống nhất trừ diện tích 5060m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 5112m^2) mà anh N đã chuyển nhượng cho ông C, bà C1 và chừa phần diện tích đất 564m^2 có chiều ngang 3,5m, chiều dài 175m để làm đường đi vào diện tích đất anh S được chia và anh N cùng anh S được sử dụng lối đi chung này, thì phần diện tích còn lại theo hiện trạng đo đạc thực tế là 16.032m^2 chia cho anh N, anh T và anh S theo vị trí các anh đã thỏa thuận. Ngoài ra, anh N tự nguyện thanh toán cho anh T giá trị bằng tiền diện tích đất 200m^2 dùng để làm đường đi nhưng anh T không được sử dụng làm lối đi chung theo giá các bên tự thỏa thuận là 124.750,5đồng/m^2. Mặt khác các đương sự cũng thống nhất cây trồng trên phần đất của ai được chia thì người đó được sử dụng cũng như sử dụng chung nguồn nước tưới từ phần sình tự tôn tạo và phần pép nước tưới tự động đã được lắp đặt nằm trên phần đất của ai được chia thì người đó được sử dụng. Riêng về số nợ vợ

chồng anh N còn nợ của Sacombank chi nhánh tỉnh Lâm đồng cũng như phần án phí thì các đương sự chưa thỏa thuận thống nhất được cách giải quyết .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến việc giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định di sản của ông Đỗ Khắc H và bà Hoàng Thị P để lại là: diện tích đất 24.336m^2 (theo giấy chứng nhân quyền sử dụng đất), thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L, theo kết quả đo đạc thực tế là 21.708m^2. Do các đương sự thỏa thuận không yêu cầu chia diện tích đất 5112m^2 mà anh N đã chuyển nhượng cho ông C, bà C1, phần diện tích đất còn lại là 16.032m^2 thì thống nhất chia cho ba anh em là Nam, S, T theo biên bản kiểm tra xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/3/2019 nên cần ghi nhận, đề nghị chia cho anh Đỗ Khắc N phần diện tích đất 5832m^2; chia cho anh Đỗ Khắc S phần diện tích 5162 m^2; chia cho anh Đỗ Khắc T phần diện tích 5038 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L. Tài sản trên đất là cây trồng, công trình xây dựng trên phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng. Anh N thanh toán cho anh T số tiền 24.950.000đồng. Mở một con đường diện tích 564m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L để làm đường đi từ đường vào thửa đất anh S được chia. Ngoài ra đề nghị hủy một phần hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa anh N, chị T với Ngân hàng Sacombank chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đối với phần tài sản thừa kế chia cho anh S và anh T là phần diện tích 5.162 m^2, trên đất có cây trồng và phần diện tích 5.038 m^2, trên đất có cây trồng cùng diện tích đất mở lối đi là 564 m^2 đều thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L. Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc các đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: ông T là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Đồng nguyên đơn anh Đỗ Khắc S và anh Đỗ Khắc T cho rằng: diện tích đất 24.336m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L là di sản của ông Đỗ Khắc H và bà Hoàng Thị P chết để lại, trước khi chết ông H, bà P không để lại di chúc. Vì vậy, anh S, anh T làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo thỏa thuận của các thành viên trong gia đình. Bị đơn anh Đỗ Khắc N thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là diện tích đất 24.336m^2(theo giấy chứng nhân quyền sử dụng đất) thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L. Tuy nhiên, anh N yêu cầu nguyên đơn phải cùng với anh N trả số nợ vay của Ngân hàng và tiếp tục duy trì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh N với vợ chồng ông C, bà C1.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị H, Đỗ Thị H1 và Đỗ Thị H2 cũng thừa nhận di sản thừa kế mà ông Đỗ Khắc H và bà Hoàng Thị P để lại như anh S, anh T, anh N trình bày là đúng và các chị xác định là phận con gái đã đi lấy chồng nên các chị không có yêu cầu gì đối với các tài sản này mà các chị đề nghị chia đều cho các anh em trai là Đỗ Khắc S, Đỗ Khắc T và Đỗ Khắc N để các anh em có đất sử dụng ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, do anh N đang thế chấp tài sản là di sản thừa kế để vay vốn ngân hàng và chưa trả xong nợ gốc và lãi đã vay nên anh S và anh T yêu cầu anh N phải thanh toán dứt điểm nợ vay của Ngân hàng để hoàn tất thủ tục tách thửa chuyển quyền sử dụng đất cho anh S và anh T; đồng thời đề nghị chừa phần diện tích lối đi chung giữa phần diện tích đất anh T và anh N được chia để việc đi lại được thuận lợi dẫn đến phát sinh tranh chấp. Căn cứ khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản"*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông Đỗ Khắc H chết ngày 20/8/2001, bà Hoàng Thị P chết ngày 10/6/2004, ngày 18/01/2009 gia đình họp thống nhất để anh Đỗ Khắc N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có trách nhiệm chăm lo cho các em là S và T đến khi các em lập gia đình sau đó sẽ phân chia đất. Ngày 03/10/2018 anh Đỗ Khắc S, anh Đỗ Khắc T khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông H, bà P. Căn cứ Điều 623; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] *Về hàng thừa kế*: Các đương sự trong vụ án đều khẳng định, cha mẹ của các đương sự là ông Đỗ Khắc H chết ngày 20/8/2001, bà Hoàng Thị P chết ngày 10/6/2004. Trong thời gian chung sống cha mẹ các đương sự sinh được 06 người con là Đỗ Khắc N, Đỗ Khắc T, Đỗ Khắc S, Đỗ Thị H, Đỗ Thị H1, Đỗ Thị H2. Cha, mẹ ông H, bà P đã chết trước ông H, bà P. Ngoài ra, bố mẹ các anh chị không có con riêng, không nhận ai làm con nuôi hay cha, mẹ nuôi nào khác. Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông H, bà P theo pháp luật gồm: Đỗ Khắc N, Đỗ Khắc T, Đỗ Khắc S, Đỗ Thị H, Đỗ Thị H1, Đỗ Thị H2. Tuy nhiên do chị H, chị H1 và chị H2 đều từ chối nhận di sản của bố mẹ nên cần xác định anh N, anh S, anh T là những người được hưởng di sản của ông H, bà P là có căn cứ.

[5] *Về di sản thừa kế*: Các đương sự đều xác định di sản thừa kế ông Đỗ Khắc H, bà Hoàng Thị P để lại là diện tích đất 24.336m^2(theo giấy chứng nhân quyền sử dụng đất) thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L. Tuy nhiên , theo kết quả đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng đất thì diện tích còn lại là 21.708m^2, các đương sự thống nhất với kết quả đo vẽ này nên Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả đo vẽ hiện trạng thực tế của chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Lâm Hà để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp. Quá trình sử dụng đất, năm 2013 anh N đã chuyển nhượng một phần diện tích đất theo đo đạc là 5112m^2 cho ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1 nhưng các bên chỉ mới viết giấy tay chứ chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên vợ chồng ông C, bà C1 đã thanh toán tiền nhận sang nhượng đất và nhận đất canh tác từ đó đến nay. Tại phiên tòa anh S, anh T và các đồng

thừa kế khác cũng đồng ý việc chuyển nhượng này và không yêu cầu chia diện tích đất 5112m^2 nói trên; ông C, bà C1 cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời các đương sự thống nhất chừa phần diện tích đất 564m^2 có chiều ngang 3,5m, chiều dài 175m để làm đường đi vào diện tích đất anh S được chia . Vì vậy cần xem xét chia diện tích đất 16.032m^2 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L cho anh N, anh S và anh T là phù hợp.

Diện tích đất đã được các đương sự tự thỏa thuận giá có giá trị là 2.000.000.000đồng, việc thỏa thuận giá của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với thị T nên cần ghi nhận. Các đương sự thống nhất diện tích đất 16.032m^2 chia cho anh N, anh T và anh S theo vị trí các anh đã thỏa thuận đồng thời thống nhất giao phần đất có nhà, công trình phụ trên đất cho anh N sử dụng mà không phải thanh toán giá trị công trình xây dựng trên đất cũng như giá trị chênh lệch cho anh S và anh T; đối với diện tích đất chia cho ba anh em trai có sự chênh lệch về diện tích thì các đương sự cũng không có yêu cầu gì. Đồng thời, các đương sự cũng thống nhất chừa diện tích đất 564m^2 có chiều ngang 3,5m, chiều dài 175m để làm đường đi vào phần đất chia cho anh S và anh N cùng anh S được sử dụng lối đi chung này. Ngoài ra, anh N tự nguyện thanh toán cho anh T giá trị bằng tiền diện tích đất 200m^2 dùng để làm đường đi nhưng anh T không được sử dụng làm lối đi chung theo giá các bên tự thỏa thuận là 124.750,5đồng/m^2. Mặt khác, các đương sự cũng thống nhất cây trồng trên phần đất của ai được chia thì người đó được sử dụng cũng như sử dụng chung nguồn nước tưới từ phần sinh do gia đình tự tôn tạo và phần pép nước tưới tự động đã được lắp đặt nằm trên phần đất của ai được chia thì người đó được sử dụng. Còn chị H, chị H1 và chị H2 thống nhất như ý kiến của anh N, anh S và anh T, các chị không yêu cầu nhận di sản thừa kế mà đề nghị chia di sản làm ba phần cho anh S, anh T và anh N. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự như trên là phù hợp bởi lẽ, quá trình quản lý sử dụng đất, anh N cũng có công tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, việc phân chia diện tích đất còn lại các đương sự đều thống nhất chừa diện tích làm đường đi chung cho thuận tiện sử dụng cũng như anh S đồng ý nhận phần diện tích đất phía sau không yêu cầu chia phần diện tích đất mặt đường; cũng như anh T đồng ý nhận phần đất ít hơn anh N là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 635, Điều 676 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời, căn cứ sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự chia di sản của ông Đỗ Khắc H, bà Hoàng Thị P như sau:

Chia cho anh Đỗ Khắc N phần diện tích đất 5.832 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L, (Có họa đồ kèm theo), trên đất có cây trồng và công trình xây dựng.

Chia cho anh Đỗ Khắc S phần diện tích 5.162 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo), trên đất có cây trồng.

Chia cho anh Đỗ Khắc T phần diện tích 5.038 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo), trên đất có cây trồng.

Anh N có trách nhiệm thanh toán cho anh T số tiền 24.950.100đồng tương ứng giá trị 200m^2 diện tích đất mở lối đi nhưng anh T không được sử dụng chung. Công

trình xây dựng, cây trồng, pép nước tưới tự động nằm trên diện tích đất của ai được chia thì người đó được hưởng lợi.

Mở một con đường làm lối đi vào phần đất của anh S được chia có diện tích 564m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (có họa đồ kèm theo). Anh S và anh N được sử dụng lối đi chung này

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất, tách thửa chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với việc vợ chồng anh N, chị T có thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AP801875 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp ngày 06/8/2009 để vay vốn ngân hàng Sacombank chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 09/02/2017 và hợp đồng thế chấp ngày 09/02/2017. Theo hợp đồng thế chấp thì anh N, chị T thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 24.336m^2 thửa số 10 tờ bản đồ 25 xã Nam Hà cùng tài sản gắn liền với đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay đối với Ngân hàng. Xét thấy, tại thời điểm anh N, chị T thế chấp tài sản trên để vay vốn Ngân hàng thì đất đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên anh N. Việc thế chấp các bên thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và được đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngân hàng nhận tài sản thế chấp của anh N, chị T không biết đây là di sản thừa kế chưa chia. Do vậy, Ngân hàng xác định giao dịch thế chấp với anh N, chị T là ngay tình; đồng thời, tài sản thế chấp đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho anh N, trên cơ sở đó Ngân hàng mới xác lập giao dịch về thế chấp tài sản đảm bảo nghĩa vụ tiền vay nên giao dịch thế chấp QSD diện tích đất giữa anh N, chị T với Ngân hàng không bị vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ Luật dân sự năm 2015. Do đó, quyền lợi của Ngân hàng cần được bảo vệ.

Mặt khác, việc anh N, chị T thế chấp tài sản vay tiền Ngân hàng là để sử dụng riêng, không liên quan đến các đồng thừa kế nên việc anh N có ý kiến yêu cầu anh S và anh T cùng có trách nhiệm trả khoản dư nợ còn lại cho Ngân hàng trong T hợp chia di sản thừa kế là không có cơ sở mà đây là trách nhiệm riêng của anh N, chị T đối với Ngân hàng. Do vậy, cần xem xét giải quyết về hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp giữa anh N, chị T với Ngân hàng mới đảm bảo giải quyết triệt để vụ án đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đồng thừa kế.

Theo ý kiến của người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng xác định, quá trình vay vốn Ngân hàng thì anh N, chị T luôn thanh toán nợ đầy đủ, đúng hạn, Ngân hàng đề nghị anh N, chị T tiếp tục thực hiện thanh toán nợ gốc và lãi theo đúng hợp đồng đã ký kết. Xét thấy, như nhận định nêu trên, tài sản là diện tích đất thửa số 10 tờ bản đồ 25 xã Nam Hà là di sản thừa kế của ông H, bà P để lại và đã được chia cho các đồng thừa kế là anh N, anh S và anh T. Phần diện tích đất anh N được chia thừa kế trong vụ án này có giá trị là 727.544.916 đồng, trong khí đó dư nợ theo hợp đồng vay giữa anh N, chị T với Ngân hàng hiện còn lại là 250.000.000đ. Quá trình vay vốn anh N, chị T luôn thực hiện đúng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, không vi phạm điều khoản thanh toán nợ; giữa Ngân hàng với anh N, chị T cũng thống nhất tiếp tục duy trì

hợp đồng vay và thực hiện theo cam kết trong hợp đồng. Do vậy, chỉ cần xem xét đến hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với anh N, chị T để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng mà không cần thiết phải buộc anh N, chị T phải thanh toán nợ trước hạn cũng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Xét hợp đồng thế chấp số 1701-39/2017/TC ngày 09/02/2017 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh Lâm Đồng với bên thế chấp là anh Đỗ Khắc N, chị Nguyễn Thị T thì nhận thấy, do nghĩa vụ trả nợ còn lại của anh N, chị T đối với Ngân hàng ít hơn phần giá trị tài sản anh N được chia thừa kế trong vụ án này liên quan đến tài sản thế chấp. Do vậy, không cần thiết phải tiếp tục duy trì toàn bộ hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với anh N, chị T theo hợp đồng thế chấp nêu trên cũng đảm bảo quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong giao dịch. Đồng thời, để đảm bảo cho việc thi hành án chia tài sản thừa kế cho anh T và anh S trong vụ án thì chỉ cần tiếp tục duy trì một phần hợp đồng thế chấp số số1701-39/2017/TC ngày 09/02/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh Lâm Đồng với anh N, chị T để đảm bảo cho việc thi hành án cho khoản dư nợ vay còn lại của anh N, chị T đối với Ngân hàng sau này tương ứng với tài sản anh N được chia thừa kế là diện tích đất 5.832m^2 cùng tài sản trên đất và phần diện tích đất 5.112m^2 cùng cây trồng trên đất mà anh N chuyển nhượng cho ông C, bà C1 nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng. Đồng thời, hủy một phần hợp đồng thế chấp số 1701-39/2017/TC ngày 09/02/2017 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh Lâm Đồng với bên thế chấp là anh Đỗ Khắc N, chị Nguyễn Thị T đối với phần tài sản thừa kế chia cho anh S và anh T trong vụ án này là phần diện tích 5.162 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo) trên đất có cây trồng và phần diện tích 5038 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo) trên đất có cây trồng; và diện tích đất mở lối đi là 564 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L.

Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Lâm Đồng và vợ chồng anh N, chị T có trách nhiệm phối hợp với nhau để liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại thông tin thế chấp tài sản cho phù hợp.

[7] Đối với diện tích đất 5112 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L mà anh N đã viết giấy tay chuyển nhượng cho vợ chồng ông C, bà C1 các đương sự thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết. T hợp sau này nếu phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] *Đối với số tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ:* Nguyên đơn anh Đỗ Khắc S đã nộp là 3.578.600đồng. Xét thấy việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh S tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên cần ghi nhận (số tiền trên anh S đã nộp đủ và đã được quyết toán xong).

[9] *Về án phí:* Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần di sản được nhận theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Theo giá trị tài sản các đương sự thỏa thuận có giá trị là 2.000.000.000đồng/ diện tích đất là di sản thừa kế là 16.032m^2 thì tương ứng 01m^2 có giá trị là

124.750,5đồng. Như vậy, giá trị tài sản anh N được chia là 5.832m^2 x 124.750,5 đồng/m^2= 727.544.916đồng; Anh S được chia 5.162m^2 x 124.750,5/m^2= 643.962.081đồng; Anh T được chia 5.038m^2 x 124.750,5đồng/m^2= 628.493.019đồng + 24.950.100đồng (do anh N thanh toán) = 653.443.119đồng. Như vậy anh N phải chịu 20.000.000đồng + 327.544.916đồng x 4%= 33.101.800đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số); anh S phải chịu 20.000.000đồng + 243.962.081đồng x 4% = 29.758.500đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số); anh T phải chịu 20.000.000đồng + 253.443.119đồng x 4%= 30.137.700đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số). Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của S, T, N đều khó khăn do bố mẹ mất sớm, các anh em phải tự lo toan để kiếm sống, kinh tế chưa ổn định, các đương sự đều có đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên cần xem xét miễn cho mỗi người ½ án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là phù hợp. Do đó anh N phải nộp 16.550.900đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh S phải nộp 14.879.250đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh T phải nộp 15.068.850đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147;Điều 157, Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 635, Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 , điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Khắc S, anh Đỗ Khắc T đối với bị đơn anh Đỗ Khắc N về việc " tranh chấp về thừa kế tài sản"

- Xác định anh Đỗ Khắc N, anh Đỗ Khắc S, anh Đỗ Khắc T, chị Đỗ Thị H, chị Đỗ Thị H1, chị Đỗ Thị H2 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Khắc H và bà Hoàng Thị P. Tuy nhiên do chị H, chị H1 và chị H2 đều từ chối nhận di sản của bố mẹ nên cần xác định anh N, anh S, anh T là những người được nhận di sản của ông H, bà P

2. Xác định di sản thừa kế của ông H, bà P là diện tích đất 16.596m^2 thuộc phần thửa đất số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Trong đó diện tích được cấp theo giấy chứng nhân quyền sử dụng đất là 24.336m^2. Tuy nhiên theo kết quả đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng đất thì diện tích còn lại là 21.708m^2. Các đương sự thống nhất trừ diện tích 5.060m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 5.112m^2) mà anh N đã chuyển nhượng cho ông C, bà C1 thì phần diện tích còn lại theo hiện trạng đo đạc thực tế là 16.596m^2), chia cụ thể như sau:

- Chia cho anh Đỗ Khắc N phần diện tích đất 5.832 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo), trên đất có cây trồng và công trình xây dựng.

- Chia cho anh Đỗ Khắc S phần diện tích 5.162 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo), trên đất có cây trồng.

- Chia cho anh Đỗ Khắc T phần diện tích 5.038 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo), trên đất có cây trồng.

Mở một con đường làm lối đi vào phần đất của anh S được chia có diện tích 564m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (có họa đồ kèm theo). Anh S và anh N được sử dụng lối đi chung này.

Anh N có trách nhiệm thanh toán cho anh T số tiền 24.950.100đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn một trăm đồng) tương ứng giá trị 200m^2 diện tích đất mở lối đi nhưng anh T không được sử dụng chung. Công trình xây dựng, cây trồng, pép nước tưới tự động nằm trên diện tích đất của ai được chia thì người đó được hưởng lợi. Đồng thời các đương sự thống nhất sử dụng chung nguồn nước tưới.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất, tách thửa chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án khi án đã có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ T hợp pháp luật có quy định khác.

3.Tiếp tục duy trì một phần hợp đồng thế chấp số số1701-39/2017/TC ngày 09/02/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh Lâm Đồng với anh Đỗ Khắc N, chị Nguyễn Thị T để đảm bảo việc thi hành án cho khoản dư nợ vay còn lại của anh N, chị T đối với Ngân hàng sau này tương ứng với tài sản anh N được chia thừa kế là phần diện tích đất 5.832 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo), trên đất có cây trồng và công trình xây dựng và phần diện tích đất 5.112 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L cùng cây trồng trên đất mà anh N chuyển nhượng cho ông C, bà C1 nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng.

Hủy một phần hợp đồng thế chấp số 1701-39/2017/TC ngày 09/02/2017 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tỉnh Lâm Đồng với bên thế chấp là anh Đỗ Khắc N, chị Nguyễn Thị T đối với phần tài sản thừa kế chia cho anh S và anh T trong vụ án này là phần diện tích 5.162 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo), trên đất có cây trồng và phần diện tích 5.038 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L (Có họa đồ kèm theo) trên đất có cây trồng; và diện tích đất mở lối đi là 564 m^2 thuộc một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H x, xã N, huyện L.

Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Lâm Đồng và vợ chồng anh N, chị T có trách nhiệm phối hợp với nhau để liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại thông tin thế chấp tài sản cho phù hợp.

4. Về án phí: Các đương sự có đơn xin miễn giảm án phí được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh khó khăn nên xem xét miễn giảm cho mỗi đương sự 1/2 án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Đỗ Khắc S phải chịu 14.879.250đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp là 15.330.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000921 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho anh S số tiền 450.750đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc anh Đỗ Khắc T phải chịu 15.068.850đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 15.330.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000922 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho anh T số tiền 261.150đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc anh Đỗ Khắc N phải chịu 16.550.900đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Anh Đỗ Khắc S tự nguyện nhận chịu 3.578.600đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (anh Đỗ Khắc S đã nộp đủ và đã quyết toán xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2019) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy

Nơi nhận:
TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
VKSND huyện Lâm Hà;
Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
Các đương sự;
Lưu AV – HS.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy